



wǎng bā

网吧

noun · Internet café

Example Sentences

tā qù wǎng bā shàng wǎng
他去网吧上网。

He goes to the Internet café to go online.

zhè jiā wǎng bā de wǎng sù hěn kuài
这家网吧的网速很快。

The internet speed at this Internet café is very fast.

wèi chéng nián rén bù dé jìn rù wǎng bā
未成年人不得进入网吧。

Minors are not allowed to enter Internet cafés.

Trace each character, then write the word on your own.

网	网	网	网	网	网	网	网	网											
吧	吧	吧	吧	吧	吧	吧	吧	吧	吧	吧									